TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **194**/2019/DS-PT
Ngày: 15/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Bà Lê Thị Minh Trang.
2/- Bà Hà Thị Phương Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 74a/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 316/2019/QĐPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh H**. sinh năm: 1963. Địa chỉ: Trần Hưng Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Yến H.G**. sinh năm: 1976.
Ông **Trương Văn Ánh N**. sinh năm: 1976 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Huỳnh Thúc K, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Yến H.G, Trương Văn Ánh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Trần Thi Thanh H trình bày:*

Do quen biết nên bà có cho vợ chồng bị đơn mượn số tiền 350.000.000đ vào ngày 01/01/2019, thỏa thuận đến tháng 03/2019 thì trả lại. Quá hạn bị đơn không trả nợ nên ngày 03/6/2019 bà nộp đơn khởi kiện.

Đến ngày 18/6/2019 bà có đơn khởi kiện bổ sung, vì bị đơn còn nợ bà số tiền 2.550.000.000đ. Tổng cộng bị đơn còn nợ bà 2.900.000.000đ và bà H.G đã ký nhận lại biên nhận nợ với bà. Số nợ này khi ký nhận lại có thỏa thuận là hàng ngày bị đơn có trách nhiệm trả cho bà số tiền 2.500.000đ cho đến khi hết nợ, nếu bị đơn không trả liên tiếp trong 07 ngày thì bà có quyền khởi kiện. Tuy nhiên sau đó bị đơn đã không thực hiện như cam kết, nên bà khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho bà số tiền 2.900.000.000đ.

* <u>*Bị đơn bà Nguyễn Thị Yến H.G trình bày:*</u>

Bà có ký Biên nhận nợ ngày 03/6/2019 với số tiền 2.900.000.000đ, nhưng biên nhận này có cộng cả tiền lãi. Thực chất bà chỉ nợ vốn là 2.600.000.000đ và nợ tiền hụi của bà H 210.000.000đ; tổng cộng bà nợ nguyên đơn 2.810.000.000đ. Hiện nay bà đang gặp khó khăn nên xin được trả ½ số tiền trên với điều kiện khi bà nhận tiền mua nhà của ông Nguyễn Công sẽ trả dứt điểm. Ngoài ra bà còn trình bày đây là số nợ cá nhân của bà không liên quan đến ông N, nên bà có trách nhiệm đối với số nợ trên.

* <u>*Bị đơn ông Trương Văn Ánh N trình bày*</u>:

Ông hoàn toàn không biết, không tham gia và không liên quan đến giao dịch theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ việc hòa giải không thành, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đưa ra xét xử; tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74a/2019/DS-ST ngày 28/8/2019 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H.

Buộc bà Nguyễn Thị Yến H.G và ông Trương Văn Ánh N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 2.810.000.000đ.

Thời gian và cách trả do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/9/2019 ông Trương Văn Ánh N kháng cáo cho rằng ông không hề hay biết và không cùng bà H.G tham gia giao dịch với nguyên đơn; đồng thời bà H.G không sử dụng khoản nợ này vào chi tiêu, phục vụ cho gia đình nên không đồng ý trách nhiệm liên đới trả nợ.

Ngày 24/9/2019 bà Nguyễn Thị Yến H.G kháng cáo cũng cho rằng ông N không biết gì về giao dịch giữa bà với nguyên đơn và bà không sử dụng khoản tiền này vào chi tiêu, phục vụ cho gia đình nên yêu cầu phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm loại trách nhiệm liên đới của ông N trong vụ việc này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự đã thỏa thuận thống nhất: do sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 1.200.000.000đ và thấy hoàn cảnh bị đơn có khó khăn nên nguyên đơn đồng ý xóa nợ cho bị đơn 1.310.000.000đ, coi như nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 1.500.000.000đ, nay còn lại phải trả 300.000.000đ, theo phương thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng thấp nhất từ 5.000.000đ trong thời gian 02 năm kể từ ngày 14/11/2019 đến ngày 14/11/2021. Nếu bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án; trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ liên tục trong 03 tháng, thì bị đơn phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định trên số tiền còn lại.

Ki□m sát viên phúc th□m phát bi□u ý ki□n: V□ t□ t□ng, đ□□ng s□ và Tòa án đã th□c hi□n đúng quy đ□nh c□a pháp lu□t; V□ n□i dung: t□i phiên tòa phúc th□m, các đ□□ng s□ đã th□a thu□n th□ng nh□t nguyên đ□n ch□ yêu c□u b□ đ□n tr□ số tiền 300.000.000đ, cho trả dần hàng tháng trong thời gian 02 năm và kể cả thỏa thuận về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận và sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn khởi kiện đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản và nợ hụi, vì vậy cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trương Văn Ánh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông N.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự đã thỏa thuận thống nhất: bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000đ theo phương thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng thấp nhất 5.000.000đ trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày 14/11/2019 đến ngày 14/11/2021. Nếu trường hợp bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng tháng theo thỏa thuận, thì nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án; trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ liên tục trong 03 tháng, thì bị đơn phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật trên số tiền còn lại phải trả. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự như đề nghị của Kiểm sát viên phúc thẩm là có căn cứ.

[3] Đối với kháng cáo của bị đơn về nội dung ông Trương Văn Ánh N không cùng bà H.G tham gia giao dịch, bà H.G không sử dụng khoản tiền giao dịch này vào chi tiêu, phục vụ cho gia đình, bản án sơ thẩm buộc ông liên đới cùng bà H.G trả nợ cho nguyên đơn là không phù hợp, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông; Đánh giá luật điểm này, thấy rằng:

Ông N và bà H.G là vợ chồng, mặc dù ông N không trực tiếp cùng bà H.G tham gia vào việc vay tiền và chơi hụi với nguyên đơn. Nhưng mọi giao dịch của bà H.G thực hiện, xác lập trong thời gian này là trong thời gian cả hai còn chung sống với nhau, trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp. Bà H.G không chứng minh được số tiền vay, tiền hụi được bà sử dụng vào mục đích riêng cá nhân của bà. Nên về nguyên tắc, căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cấp sơ thẩm buộc ông bà cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Bị đơn kháng cáo không có căn cứ nên không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí: như hai bên đã xác định tại phiên tòa là nguyên đơn cho hẳn bị đơn số nợ 1.310.000.000đ, chỉ yêu cầu trả 1.500.000.000đ, bị đơn đã trả được 1.200.000.000đ, chỉ còn phải trả thêm 300.000.000đ là tất nợ và được trả dần hàng tháng trong thời gian 02 năm. Như vậy, thực chất bị đơn chỉ có nghĩa vụ trên tổng số nợ là 1.500.000.000đ, nên phải điều chỉnh lại phần án phí sơ thẩm mà bị đơn phải chịu theo quy định.

Mặc dù bà H.G có đơn xin miễn, giảm án phí, có chính quyền địa phương xác nhận nhưng không thuộc trường hợp "*... gặp sự kiện bất khả kháng...*" theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên không có căn cứ xét giảm án phí cho bị đơn.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1, 2 Điều 148, khoản 2 Điều 296, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 466, 471 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Yến H.G và ông Trương Văn Ánh N; Sửa bản án sơ thẩm.

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Yến H.G và ông Trương Văn Ánh N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày 14/112019 đến ngày 14/11/2021 theo phương thức trả dần mỗi tháng thấp nhất từ 5.000.000đ.

2/- Nếu trường hợp bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng tháng theo thỏa thuận, thì nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án; trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ liên tục 03 tháng, thì bị đơn phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3/- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 57.000.000đ.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.500.000đ theo các Biên lai số 008108 ngày 18/6/2019 và số 008118 ngày 19/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

M□i b□ đ□n ph□i ch□u 300.000đ án phí dân s□ phúc th□m; chuy□n s□ ti□n đã n□p t□m □ng án phí kháng cáo theo các Biên lai s□ 001783 ngày 17/9/2019 và s□ 001823 ngày 25/9/2019 thành án phí; b□ đ□n đã n□p xong án phí phúc th□m.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tr□□ng h□p b□n án, quy□t đ□nh đ□□c thi hành theo qui đ□nh t□i Đi□u 2 c□a Lu□t Thi hành án dân s□ thì ng□□i đ□□c thi hành án dân s□, ng□□i ph□i thi hành án dân s□ có quy□n th□a thu□n thi hành án, quy□n yêu c□u thi hành án, t□ nguy□n thi hành án ho□c b□ c□□ng ch□ thi hành án theo qui đ□nh t□i các Đi□u 6, 7 và 9 c□a Lu□t Thi hành án dân s□; th□i hi□u thi hành án đ□□c th□c hi□n theo qui đ□nh t□i Đi□u 30 c□a Lu□t Thi hành án dân s□.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q.Ninh Kiều.
- Chi cục THADS.Ninh Kiều.
- Lưu (HS - 2b).

(Đã ký)
Trần Tuấn Quốc